



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Công ty TNHH K O T I T I Việt Nam
Laboratory: *K O T I T I Viet Nam Limited*

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH K O T I T I Việt Nam
Organization: *K O T I T I Viet Nam Limited*

Số hiệu/ Code: VILAS 801

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa, Cơ
Field: *Chemical, Mechanical*

Người quản lý: Park Heung Su
Laboratory manager: *Park Heung Su*

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 18/09/2029

Địa chỉ: Lô A4a, Đường số 19C, Khu E-Office Park, KCX Tân Thuận,
Phường Tân Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: *Lot A4a, Street 19C, E-Office Park, Tan Thuan Export Processing Zone, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam*

Địa điểm: Lô A4a, Đường số 19C, Khu E-Office Park, KCX Tân Thuận,
Phường Tân Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Location: *Lot A4a, Street 19C, E-Office Park, Tan Thuan Export Processing Zone, Tan Thuan Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam*

Điện thoại/ Tel: (+84) 28.3814 3940

Email: kotitvn.qa@vn.kotitiglobal.com

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 801****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Trang sức và kim loại quý hiếm <i>Jewellery and precious metals</i>	Xác định hàm lượng Vàng (Au). Phương pháp Cupel hóa <i>Determination of Gold (Au) content. Cupellation method</i>	$\leq 999.9\%$	ISO 11426:2021
2.	Vải liệu dệt may <i>Textile</i>	Xác định hàm lượng 2-(2 H - benzotriazol-2-yl)-4,6-di- tert - pentylphenol - UV328 (CAS No. 25973-55-1) Phương pháp LC-MS <i>Determination of 2-(2 H - benzotriazol-2-yl)-4,6-di- tert - pentylphenol - UV328 (CAS No. 25973-55-1) content LC-MS method</i>	100 mg/kg	KVL-B-SOP-057 (2025) (Ref. BS ISO 24040:2022)
3.		Xác định các hợp chất dễ bay hơi (VOCs) Phương pháp GC-MS <i>Determination of Volatile Organic Compounds (VOCs) GC-MS method</i>	Benzen/Benzene: 5 mg/kg. Các chất khác/ <i>Other compounds:</i> 100 mg/kg Phụ lục/ <i>Appendix:</i> 1	KVL-B-SOP-054 (2025)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 801****Phụ lục 1: Danh sách các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi***Appendix 1: List of Volatile Organic Compounds (VOCs)*

TT/No	Tên/name	CAS No	TT/No	Tên/name	CAS No
1.	Benzene	71-43-2	11.	Toluene	108-88-3
2.	Carbon Disulfide	75-15-0	12.	1,1,2- Trichloroethane	79-00-5
3.	Carbon Tetrachloride	56-23-5	13.	Xylenes (meta-)	108-38-3
4.	Chloroform	67-66-3	14.	Xylenes (ortho-)	95-47-6
5.	Cyclohexanone	108-94-1	15.	Xylenes (para-)	106-42-3
6.	Ethylbenzene	100-41-4	16.	1,2-Dichloroethane	107-06-2
7.	Pentachloroethane	76-01-7	17.	1,1-Dichloroethene	75-35-4
8.	1,1,1,2- Tetrachloroethane	630-20-6	18.	1,1,1- Trichloroethane	71-55-6
9.	1,1,2,2- Tetrachloroethane	79-34-5	19.	Trichloroethene	79-01-6
10.	Tetrachloroethylene (PERC)	127-18-4			

Chú thích/Notes:

- KVL-B-SOP ...Phương pháp thử do PTN xây dựng/*Laboratory's developed method.*
- ISO: *International Organization for Standardization.*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 801****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Vật liệu dệt may: Sợi, vải và sản phẩm dệt may <i>Textile materials: Fabrics, textile products</i>	Xác định sự thay đổi kích thước của vải và quần áo sau khi giặt khô bằng dung môi Perchroethylene <i>Determination of dimensional changes of fabrics and garments after dry cleaning by Perchloroethylene</i>		ISO 3175-2:2017 ISO 3759:2011 AATCC TM158- 1978e10(2016)e
2.		Thử nghiệm độ chống thấm dầu trên bề mặt vải <i>Test method for oil repellency: hydrocarbon resistance</i>	Cấp/Grade (1 ~ 8)	AATCC TM118- 2020e
3.		Thử nghiệm đánh giá khả năng giải phóng vết bẩn dầu của vải và quần áo sau giặt - Soil Release <i>Test method for assessing the Oily Stain Release of fabrics and garment after cleansing - Soil Release</i>	Cấp/Grade (1 ~ 5)	AATCC TM130- 2018t

Chú thích/Notes:

- ISO: *International Organization for Standardization.*
- AATCC: *American Association of Textile Chemists and Colorists*

Trường hợp Công ty TNHH K O T I T I Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH K O T I T I Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for K O T I T I Viet Nam Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*